ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ LỤC BA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86/TB-UBND	*Lục Ba, ngày 21 tháng 02 năm 2025*

THÔNG BÁO
Công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả xã Lục Ba

Căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ vào các Quyết định công bố TTHC của các Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.

UBND xã Lục Ba thông báo Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Lục Ba, cụ thể như sau:

(Có danh mục TTHC kèm theo)

Trên đây là Thông báo công khai Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Lục Ba đến thời điểm tháng 02 năm 2025 để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể;
- Cơ quan, đơn vị;
- Cán bộ, công chức;
- Bộ phận 1 cửa:
- Các xóm;
- Trang thông tin điện tử;;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Trần Đức Tuân

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỤC BA

DANH MỤC
TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả xã Lục Ba

(Kèm theo Thông báo số 86/TB-UBND ngày 21/02/2025 của UBND xã Lục Ba)

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
I		**LĨNH VỰC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH (44 TTHC)**		
		Hộ tịch		
1	1.001193	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	Trong ngày
2	1.000894	Đăng ký kết hôn		Trong ngày
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		03 ngày làm việc
4	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		03 ngày làm việc
5	1.000656	Đăng ký khai tử		Trong ngày
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động		05 ngày làm việc
7	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động		05 ngày làm việc
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động		05 ngày làm việc
9	1.004837	Đăng ký giám hộ		03 ngày làm việc
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ		02 ngày làm việc
11	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ		03 ngày làm việc
12	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ		03 ngày làm việc
13	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		06 ngày làm việc
14	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		03 ngày làm việc
15	1.004884	Đăng ký lại khai sinh		05 ngày làm việc
16	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		05 ngày làm việc
17	1.004746	Đăng ký lại kết hôn		05 ngày làm việc
18	1.005461	Đăng ký lại khai tử		05 ngày

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
				làm việc
19	2.002516	Xác nhận thông tin hộ tịch		03 ngày làm việc
20	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		Trong ngày
21	2.000956	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	20 ngày làm việc
22	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		15 ngày làm việc
		Nuôi con nuôi		
23	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	30 ngày làm việc
24	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		05 ngày làm việc
		Chứng thực		
25	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	Trong ngày
26	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản *(áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)*		Trong ngày
27	2.001019	Chứng thực di chúc		Trong ngày
28	2.001009	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		Trong ngày
29	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc		Trong ngày
30	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		Trong ngày
31	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		02 ngày làm việc
32	2.001016	Cấp bản sao có chứng thực từ		02 ngày

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.		làm việc
33	2.001035	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		02 ngày làm việc
34	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		02 ngày làm việc
35	2.001406	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		02 ngày làm việc
		Bồi thường Nhà nước		
36	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	02 ngày làm việc
		Phổ biến giáo dục pháp luật		
37	2.001457	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	05 ngày làm việc
38	2.001449	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật		05 ngày làm việc
		Hòa giải ở cơ sở		
39	1.002211	Công nhận hòa giải viên	Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.	05 ngày làm việc
40	2.000950	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		05 ngày làm việc
41	2.002080	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		05 ngày làm việc
42	2.000930	Thôi làm hòa giải viên		05 ngày làm việc
		Liên thông điệ tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia		
43	1.008457	Liên thông dăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	03 ngày làm việc
44	1.006714	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất		18 ngày làm việc
II		**LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 TTHC)**		
		Tôn giáo, tín ngưỡng		
1	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 6884/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
2	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		15 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
3	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		20 ngày làm việc
4	1.012588	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		Không quy định
5	1.012586	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		Không quy định
6	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		15 ngày làm việc
7	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		20 ngày làm việc
8	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		20 ngày làm việc
9	1.012580	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		Không quy định
10	1.012579	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		Không quy định
		Thi đua khen thưởng		
11	1.012373	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng	Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	20 ngày làm việc
12	1.012374	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề		20 ngày làm việc
13	1.012376	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất		20 ngày làm việc
14	1.012378	Thủ tục tặng giấy khen Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình		20 ngày làm việc
15	1.012379	Thủ xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		20 ngày làm việc
III		**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)**		
1	1.004441	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương	Quyết định số 3475/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	10 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		trình giáo dục tiểu học	của UBND tỉnh Thái Nguyên.	
2	1.004492	Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc		20 ngày làm việc
3	1.004443	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại		20 ngày làm việc
4	1.004485	Thủ tục sát nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		20 ngày làm việc
5	2.001810	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo hoạt động độc lập *(theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)*		Không quy định
IV		**LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC)**		
1	1.012222	Thủ tục Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
2	1.012223	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		15 ngày làm việc
V		**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI (17 TTHC)**		
		Người có công		
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	05 ngày làm việc
		Bảo trợ xã hội		
2	2.000751	Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	02 ngày làm việc
3	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		10 ngày làm việc
4	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	25 ngày làm việc
5	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		05 ngày làm việc
6	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.	Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày
		Phòng, chống tệ nạn xã hội		
7	1.000132	Thủ tục Quyết định quản lý	Quyết định số 4174/QĐ-	03 ngày

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	
8	1.010941	Thủ tục Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện		03 ngày
		Bảo vệ chăm sóc trẻ em		
9	1.004946	Thủ tục Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	12 giờ
10	1.004944	Thủ tục Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		05 ngày làm việc
11	2.001947	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		07 ngày làm việc
12	1.004941	Thủ tục Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		15 ngày làm việc
13	2.001944	Thủ tục Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		15 ngày làm việc
14	2.001942	Thủ tục Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		25 ngày làm việc
		Lĩnh vực giảm nghèo		
15	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Từ 01/9 đến hết ngày 14/12
16	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		15 ngày
17	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		15 ngày

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
VI		**LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO (07 TTHC)**		
		Gia đình		
1	1.012084	Thủ tục Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã	Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	12 giờ
2	1.012085	Thủ tục Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị		12 giờ
		Văn hóa cơ sở		
3	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
		Thư viện		
4	1.008901	Thủ tục Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Quyết định 502/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
5	1.008902	Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện cộng đồng.		15 ngày làm việc
6	1.008903	Thủ tục chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
		Thể dục, thể thao		
7	2.000794	Thủ tục Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	07 ngày làm việc
VII		**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (11 TTHC)**		
		Phòng, chống thiên tai		
1	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Quyết định 1555/QĐ-UBND, ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
2	2.002161	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		15 ngày làm việc
3	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		07 ngày làm việc
4	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	Quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	25 ngày làm việc
5	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn *(đối*		30 ngày

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		với trường hợp tai nạ suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội		làm việc
		Thủy lợi		
6	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước *(Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)*	Quyết định 1555/QĐ-UBND, ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	15 ngày làm việc
7	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		20 ngày làm việc
8	2.000184	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.		20 ngày làm việc
		Trồng trọt		
9	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	Quyết định 1555/QĐ-UBND, ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	05 ngày làm việc
		Khoa học công nghệ và môi trường		
10	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định 1555/QĐ-UBND, ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	60 ngày làm việc
		Lâm nghiệp		
11	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	50 ngày làm việc
VIII		**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG, GEN (03 TTHC)**		
1	1.003554	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 3679/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	45 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
2	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường	15 ngày làm việc
3	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên	03 ngày làm việc
IX		**LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (04 TTHC)**		
1	1.010945	Tiếp công dân	Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 14//7/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Không quy định
2	2.002501	Xử lý đơn tại cấp xã		10 ngày
3	2.002409	Giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		30 ngày
4	2.002396	Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		30 ngày
X		**LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (13 TTHC)**		
1	1.004088	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên	03 ngày làm việc
2	1.004047	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		03 ngày làm việc
3	1.004036	Thủ tục Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa		03 ngày làm việc
4	2.001711	Thủ tục Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa		03 ngày làm việc
5	1.004002	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		03 ngày làm việc
6	1.003970	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		03 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
7	1.003930	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		03 ngày làm việc
8	2.001659	Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		03 ngày làm việc
9	1.006391	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		03 ngày làm việc
10	1.005040	Thủ tục Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		03 giờ làm việc
11		Cấp phép xử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên	05 ngày làm việc (01 ngày đối với đám tang)
12	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác		07 ngày làm việc
13		Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiest để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ.		07 ngày làm việc
XI		**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 TTHC)**		
1	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.
2	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác		
3	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
XII		**LĨNH VỰC DÂN SỐ, KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH (01 TTHC)**		
1	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng	Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	10 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		chính sách dân số	của UBND tỉnh Thái Nguyên	
XIII		**LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUẾ (01 TTHC)**		
1	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên	10 ngày làm việc
XIV		**LĨNH VỰC BẢO HIỂM (01 TTHC)**		
1	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên	45 ngày làm việc
XV		**LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)**		
1	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên	
XVI		**LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ (03 TTHC)**		
1	1.012533	Tuyển chọn tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Công an tỉnh thái Nguyên	15 ngày làm việc
2	1.012537	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ		02 ngày làm việc
3	1.012538	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ		02 ngày làm việc
XVII		**LĨNH VỰC QUÂN SỰ (14 TTHC)**		
		Nghĩa vụ Quân sự		
1	1.001821	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	
2	1.001805	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị		
3	1.001771	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung		
4	1.001763	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
5	1.001748	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi		

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
6	1.001733	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng		
7	1.001733	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến		
		Động viên Quân đội		
8		Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội *(chủ phương tiện là cá nhân)*	Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	
9		Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội *(chủ phương tiện là cá nhân)*		
		Bảo hiểm xã hội		
10		Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	
		Dân quân tự vệ		
11		Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	
12		Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.		
		Chính sách		
13		Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc	Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ	

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc		
14		Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc *(đối tượng từ trần)*		
XVIII		**LĨNH VỰC CÔNG AN (22 TTHC)**		
		Đăng ký, quản lý cư trú		
1	1.004222	Đăng ký thường trú	Quyết định số 320/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2024 của Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký cư trú và lĩnh vực đăng ký, quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an	
2	1.003197	Xóa đăng ký thường trú		
3	1.010038	Tách hộ		
4	1.010039	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú		
5	1.004194	Đăng ký tạm trú		
6	1.002755	Gia hạn tạm trú		
7	1.010028	Xóa đăng ký tạm trú		
8	1.010040	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú		
9	2.001159	Thông báo lưu trú		
10	1.003677	Khai báo tạm vắng		
11	1.010041	Xác nhận thông tin về cư trú		
12	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Quyết định 321/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên	
		Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ		
13	1.010910	Đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy	Quyết định số 3191/QĐ-BCA ngày 10/5/2022 của	

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/ Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý/Quyết định công bố	Thời gian giải quyết
		điện) lần đầu tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	Bộ Công an.	
14	1.010912	Đăng ký sang tên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) trọng điểm đăng ký tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe		
15	1.010914	Đăng ký xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) từ điểm đăng ký xe khác chuyển đến tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe		
16	1.010916	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe		
17	1.010917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe		
18	1.010918	Đăng ký tạm thời xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe		
19	1.010919	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tại Công an cấp xã		
		Quản lý xuất nhập cảnh		
20	1.010386	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông	Quyết định số 3191/QĐ-BCA ngày 10/5/2022 của Bộ Công an	
21	1.000253	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú		
		Phòng cháy, chữa cháy		
22	1.009913	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Quyết định số 2974/QĐ-BCA-C07 ngày 04/5/2021 của Bộ Công an	